TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn L1**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003 chị và anh L1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2009 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, thường hay cãi

nhau, có khi anh L1 còn đánh chị. Chị cố gắng nhẫn nhịn, cho cơ hội hàn gắn nhưng nhiều lần không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng không có kết quả, đến năm 2013 vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị và anh L1 không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống và xây dựng gia đình nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L1 để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh L1 có 02 người con chung là Phạm Thanh Đ, sinh năm 2003 và Phạm Thị N, sinh năm 2005. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định không có, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn L1 vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh L1 vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh L1; về con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp

dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị L và anh L1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi, có khi còn đánh chị. Vì thương con nên chị cố gắng nhường nhịn, hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Hiện nay các con đã thành niên, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh chị không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Còn anh L1 vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Theo biên bản xác minh tại ấp R ngày 11/12/2024 thể hiện anh chị không còn sống chung nhiều năm nay. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị L và anh L1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không khắc phục được. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị L đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh L1. Tòa án đã mở phiên họp, cho cả hai đương sự thời gian, cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Tại phiên tòa anh L1 vắng mặt, còn chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh L1. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh L1.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Phạm Thanh Đ, sinh năm 2003 và Phạm Thị N, sinh năm 2005. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Phạm Văn L1.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Phạm Thanh Đ, sinh năm 2003 và Phạm Thị N, sinh năm 2005. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005147 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh